

Bản án số: 121/2022/HS-PT
Ngày 07 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn.

Ông Hồ Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Minh Thanh và bà Trương Thuận Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Lê Văn H, Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Phú Q, Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ, Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Đặng Văn Kỳ A1, Võ Hoàng H1, Nghiêm Xuân Thịnh Q1, Lê Nhật A2, Đào Nhật T1, Trần Trung K1, Võ Thanh H2, Bùi Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Các L1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đoàn Văn T**, sinh năm 1977 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L2 và bà Trương Thị T2; có vợ Nguyễn Ngọc T3 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/6/2014, bị Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2016; bị bắt, tạm giam từ ngày 23/10/2020 cho đến nay. (Có mặt)

2. **Lê Văn H**, tên gọi khác T4, sinh năm 1988 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn L3 và bà Nguyễn Thị N1; có vợ Nguyễn Thị Ngọc T5 và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 23/10/2020 cho đến nay. (Có mặt)

3. **Đoàn Minh K**, tên gọi khác Út K2, sinh ngày 18/10/1998 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L2 và bà Trương Thị T2; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 18/8/2020 cho đến nay. (Có mặt)

4. **Nguyễn Văn L**, tên gọi khác Long G, sinh năm 1995 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G1 và bà Trương Thị Lệ B1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 30/7/2020, đến ngày 26/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

5. **Nguyễn Phú Q**, tên gọi khác Quý M, sinh ngày 15/12/1998 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu vực 5, phường D, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L4 và bà Nguyễn Thị H3; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 23/10/2020, đến ngày 24/4/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

6. **Trần Đăng P**, sinh ngày 10/11/1999 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu vực 6, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; có mẹ Trần Thị Chúc L5, cha không rõ là ai; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 29/9/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

7. **Quách Vĩnh Đ**, sinh ngày 02/7/1998 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Vĩnh H4 và bà Nguyễn Thị H5; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 30/7/2020, đến ngày 05/01/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

8. **Trần Minh Đ1**, sinh ngày 20/5/1991 tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn

T6 và bà Nguyễn Thị L6; có vợ Lê Thị T7 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, đến ngày 06/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

9. **Lê Văn S**, sinh ngày 24/7/1994 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị P1; có vợ Nguyễn Thị Diễm H6 và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01 lần: Ngày 23/7/2020, bị Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 24/8/2020, bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt; nhân thân: Ngày 20/9/2018, bị Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng về hành vi đánh người, ngày 20/9/2018 bị cáo chấp hành xong quyết định xử phạt; bị bắt, tạm giam ngày 31/7/2020, đến ngày 25/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

10. **Lê Hùng A**, sinh ngày 26/10/1997 tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp D, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn Đ2 và bà Nguyễn Thị O; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/01/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm, tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về “Tội cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt; ngày 29/12/2015, bị Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm, tuyên phạt 18 (mười tám) tháng tù giam về “Tội trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt; ngày 01/11/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 01/11/2012 đến ngày 09/5/2013; bị bắt, tạm giam ngày 23/10/2020, đến ngày 05/02/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

11. **Đặng Văn Kỳ A1**, sinh ngày 23/7/2001 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu vực 2, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh S1 và bà Lê Thị T8; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 30/7/2020, đến ngày 06/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

12. **Võ Hoàng H1**, sinh ngày 01/7/1996 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ3 và bà Đoàn Thị T9; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/7/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang xử phạt hành

chính với số tiền là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng về hành vi “xâm phạm sức khỏe của người khác”, chấp hành xong ngày 19/7/2017; bị bắt, tạm giam kể từ ngày 23/10/2020 cho đến nay. (Có mặt)

13. **Nghiêm Xuân Thịnh Q1**, tên gọi khác Quý N2, sinh ngày 10/6/2001 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Xuân H7 và bà Nguyễn Thị Bích P2; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, đến ngày 09/02/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

14. **Lê Nhật A2**, sinh ngày 13/01/2001 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu vực A, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T10 và bà Võ Thị Bé B2; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, đến ngày 05/01/2021 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

15. **Đào Nhật T1**, tên gọi khác Tường M1, sinh ngày 26/02/2000 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn C và bà Bùi Thúy N3; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam kể từ ngày 23/10/2020 đến ngày 26/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

16. **Trần Trung K1**, tên gọi khác Kiên L7, sinh ngày 23/10/2000 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp C, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Cường E và bà Lê Ngọc H8; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 30/7/2020, đến ngày 25/12/2020 được tại ngoại, đến ngày 12/4/2022 bị bắt, tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

17. **Võ Thanh H2**, sinh ngày 28/5/2004 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc H9 và bà Võ Thị Thanh T11; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2022 cho đến nay. (Có mặt)

18. **Bùi Văn N**, sinh ngày 19/12/2003 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: khu vực 3, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Bùi Văn H10 và bà Phạm Thị Kim H11; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2022 cho đến nay. (Có mặt)

19. Nguyễn Văn B, tên gọi khác Cu B3, sinh ngày 18/6/1989 tại V, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N4 và bà Ngô Thị T12; có vợ Trương Thị Hồng M2 và 01 con sinh năm 2020; tiền sự: Không;

Tiền án: 02 lần.

- Ngày 27/9/2010, bị Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xử phạt 05 (năm) năm tù giam về “Tội cướp giật tài sản”.

- Ngày 11/5/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 42 (bốn mươi hai) tháng tù giam về “Tội cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 18/2010/HSST ngày 27/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Nhân thân: Ngày 17/5/2007, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào Trường G2 với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong quyết định ngày 21/6/2009.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2022 cho đến nay. (Có mặt)

20. Nguyễn Các L1, sinh ngày 15/8/1992 tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp F, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M3 và bà Ngô Thị P3; có vợ Ngô Thị Ngọc H12; tiền sự: Không; tiền án: 01. Ngày 07/01/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù giam về “Tội cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân:

- Ngày 08/5/2019, bị Công an huyện L, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử lý hành chính với số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng về hành vi “Sử dụng công cụ hỗ trợ trái quy định”, chấp hành xong quyết định ngày 26/5/2019.

- Ngày 29/9/2008, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào Trường G2 với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng về hành vi 03 lần “đánh nhau với người khác” và 01 lần “Trộm cắp vật”, đã chấp hành xong quyết định.

Bị bắt, tạm giam kể từ ngày 29/01/2021 cho đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Trương Thanh V - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn T13 - HG thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H, là người bào chữa cho bị cáo Quách Vĩnh Đ. (Có mặt)

2. Ngô Văn Đ4 - Luật sư của Công ty L10 - Chi nhánh C4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, là người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Kỳ A1. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Trần Minh L8, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Nguyễn Duy K3, sinh năm 2000. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyễn Hoàng T14, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Anh T15, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn V1, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Hiền Đ5, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

3. Đặng Thành T16, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

4. Lê Hồng Dũng E1, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

5. Phan Văn N5, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

6. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

7. Nguyễn Thanh P4, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 27/7/2020, bị cáo Đoàn Văn T (còn có tên gọi khác là Thầy T17) cùng với bị cáo Đoàn Minh K (Ú), bị cáo Nguyễn Văn L (L), ông Nguyễn Văn C1 và một số người khác tham gia đá gà ăn thua bằng tiền do ông Mai

Thanh T18 tổ chức tại nhà T19. Trong lúc đá gà ăn thua bằng tiền giữa gà của K và với gà của anh Trần Minh L8 (C) và Nguyễn Duy K3 xảy ra mâu thuẫn sau khi đã cân gà xong. Do giữa L với anh L8 đã có mâu thuẫn từ trước đó nên K và L ra xe mô tô đi về.

Trên đường L chở Út K2 về nhà theo hướng bên đò 13.000 thì bị anh L8, K3, Nguyễn Anh T15, Nguyễn Văn V1, đã chuẩn bị hung khí từ trước (gồm chai bia, dao tự chế) chặn đường đánh L và Út K2 nhưng không đánh được do L và Út K2 chạy thoát. Lúc này, L8, T15, K3 và V1 tiếp tục đuổi đánh Út K2 và L. Trên đường bỏ chạy, Út K2 sử dụng điện thoại di động gọi cho bị cáo T17 nói nội dung là bị Cu L9 (L8) đuổi chém và kêu giữ người đá gà với Út K2 và L lại. Sau đó, L chở Út K2 về.

Sau khi nhận được điện thoại của Út K2 và nghe nói bị chặn đường chém, T17 kêu C1 đi cùng để tìm K2 nhưng không gặp, sau đó đã quay về khu vực đá gà để lấy gà đi về. Khi C1 chở T17 đi về hướng 13.000 thì có Nguyễn Hiền Đ5, Đặng Thành T16, Lê Hồng Dũng E1 đi theo sau. Sau khi L và Út K2 bị chặn đường đánh thì các đối tượng tập hợp theo nhiều nhóm để đi tìm nhóm của Cu L9 (L8) đánh lại trả thù. Cụ thể:

- Nhóm 1 gồm: Các bị cáo Lê Văn H (T4), Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Nguyễn Hữu C2, Nguyễn Văn B (C) và Nguyễn Các Lơ. Diễn biến sự việc như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 27/7/2020, Đ1 mượn xe mô tô hiệu Wave RSX, màu đỏ đen, không nhớ rõ biển kiểm soát của đối tượng tên “T20” (không rõ nhân thân, lai lịch) đi mua cơm về đến nhà trọ “Hoa C3” thì Hiền sử dụng điện thoại di động gọi cho Đ1 biết sự việc L và Út K2 bị chặn đường đánh. Do trước đó có đối tượng tên “K4” (không xác định được nhân thân) gọi điện thoại nói cho Hiền biết. Khi nghe điện thoại xong thì H nói với Đ1 “Mấy thằng nhỏ bị chém!”. Tuy Hiền không nói rõ ai là người bị chém nhưng Đ1 nghĩ là những người đi chơi chung bị người khác đánh và muốn đi tìm những người đã đánh những người trong nhóm của mình để đánh lại.

Tại nhà trọ “Hoa Cà”, sau khi Đ1 biết nội dung sự việc thì có sử dụng điện thoại di động, gọi cho C2, kêu C2 qua nhà trọ của Đ1 để đi công chuyện. Sau đó, C2 kêu Hùng A và lấy chiếc xe mô tô (không biết của ai để trong quán cà phê) chở Hùng A đi tới nhà trọ “Hoa C3”. Cùng lúc này có bị cáo B cũng chạy xe về đến nhà trọ và Các L1 thì từ nhà trọ của mình đi đến. Tại nhà trọ lúc này gồm có: Hiền, Đ1, C2, Hùng A, B4 và Các L1. Tại đây, H lấy hung khí là một cây ống tuýp bằng inox, màu trắng, có thể kéo ra thu vào được, để cùng cả nhóm đi tìm nhóm người đã đánh L và Út K2. Đồng thời, H còn điện thoại cho bị cáo S nói với S nội dung là “Mấy thằng nhỏ bị đánh!” thì S hỏi Hiền “Mày đang ở đâu?”. Mục đích S hỏi là để biết vị trí của

H để cùng đi đánh lại những người đã đánh người trong nhóm của S. Hiện nói “Ở trong nhà đang chạy ra” thì S kêu Hiện đi đến cầu B (thuộc khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang) đợi. Sau đó, S điều khiển xe về nhà lấy 02 (hai) cây dao tự chế được bao lại trong một miếng vải để lên yên xe và S ngồi đề lên.

Khi đi từ nhà trọ ra thì Đ1 chở H, C2 chở Hùng A, B chở Các L1 đi đến khu vực cầu G và tập trung với S (đi một mình bằng xe mô tô hiệu Jupiter, màu đen vàng) đi ngược chiều. Khi gặp nhau thì S hỏi Hiện “Mấy thằng nhỏ bị chém ở đâu?” thì Hiện trả lời “Tại 13.000” và tất cả cùng đi qua đò lên lộ nông thôn và chạy đi về hướng 13.000. Khi đi, Đ1 chở Hiện, S chở Hùng A ngồi lên hung khí để trên yên xe để tránh bị phát hiện, Các L1 đi xe của C2 chở, còn B chạy xe một mình.

Khi đi đến bên đò 13.000 và rẽ trái lên lộ, Hiện kêu B ở bên đò 13.000 đợi người trong các nhóm khác đến. Còn Đ1 chở H, S chở Hùng A đi vào tỉnh lộ 926 qua khu vực S (thuộc ấp G, xã V) thì gặp C1 chở T17 đi ngược chiều cùng với Đ5, T16, Dũng E1 và N5 chạy phía sau. Khi nhìn thấy, T17 kêu Đ1 chở Hiện, S chở Hùng A thì quay lại tập trung tại khu vực cầu S, mục đích là để đợi thêm các đối tượng khác đến để cùng đi. Trong lúc này, tại khu vực cầu S có C1, T17, Đ5, T16, Dũng E1, N5, Đ1, Hiện, S, Hùng A, C2 và Các L1.

- Nhóm 2 gồm: Các bị cáo Nguyễn Phú Q (Q), Nguyễn Ngọc Trường A3, Đặng Văn Kỳ A1, Đào Nhật T1, Trần Trung K1 và Võ Thanh H2. Diễn biến sự việc như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 27/7/2020, tại nhà của A3 có A3, P và Kỳ A1. Trong thời gian này Phú Q có nghe điện thoại của bị cáo Lê Văn H. Nội dung là H nói với Phú Q việc Út K2 bị đánh ở khu vực 13.000 và kêu đi lên khu vực 13.000 để tìm người đã đánh Út K2 để đánh lại. Khi nghe điện thoại của Hiện xong thì Phú Q ra kêu A3 ra nói lại nội dung Út K2 bị đánh trên khu vực 13.000 và kêu A3 đi tìm người đã đánh Út K2 để đánh lại thì A3 đồng ý. A3 sử dụng điện thoại di động gọi cho bị cáo K1 để rủ K1 đi cùng. Sau đó, A3 vào nhà lấy hung khí là 02 (hai) cây dũ ba khúc và 01 (một) cây kiếm bỏ trong hộp giấy màu vàng, các hung khí A3 để vào trong cốp xe của A3. Khi đi, A3 chở Phú Q đi trước và kêu Kỳ A1 đến nhà chở bị cáo H2 đi sau. Khi đi, Kỳ A1 mang theo hung khí là 01 (một) cây dao bấm và 01 (một) cây dao găm đi rừng. Riêng bị cáo K1 điều khiển xe mô tô đi cùng Kỳ A1 và H2 về hướng 13.000.

Khi đi A3 chở Phú Q đi về hướng 13.000, khi đi đến khu vực Điện máy xanh thì gặp bị cáo T1 chạy phía sau vượt lên hỏi đi đâu thì Phú Q nói lại nội dung là đi lên khu vực 13.000 xem ai đã đánh L và Út K2. Nghe vậy, T1 kêu Phú Q cứ đi trước rồi T1 sẽ lên sau.

Trên đường đi P liên hệ bằng điện thoại với Hiện hỏi địa điểm để gặp nhau. Khi đi qua khỏi cầu 13.000 một đoạn thì đi vào đường Công vụ 13.000, ngang trường học Lê Hồng P5 về hướng Quốc lộ F. Lúc này, Phú Q liên hệ với Hiện thì được biết đã đi nhầm đường và Phú Q được Hiện chỉ đường đi nên đã điều khiển xe quay lại về hướng bên đò 13.000. Trên đường đi đến khu vực gần Trường Trung học phổ thông L11 thì gặp bị cáo Trần Duy H13, Nhật A2, Kỳ A1, H2, K1 đang tập trung. Phú Q liên hệ với Hiện bằng điện thoại thì Hiện kêu P dẫn những người này cùng đi qua đò 13.000. Khi đi đò, K1 hỏi và lấy cây dao bấm của Kỳ A1 để sử dụng.

- Nhóm 3 gồm: Các bị cáo Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ6, Nghiêm Xuân Thịnh Q1 (Q), Đặng Hoàng K5 (K), Lê Nhật A2, Trần Duy H13 và Bùi Văn N. Diễn biến sự việc như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 27/7/2020, tại nhà trọ của T thì có Thịnh Q1, Hoàng K5, H13, Nhật A2, Đ6 và P. Lúc này, P nhận được điện thoại của bị cáo H. Nội dung là Hiện kêu P đi lên khu vực 13.000 để đi công chuyện vì L và Út K2 bị đánh. Lúc này, P biết là đi đánh nhau nhưng không rõ nội dung cụ thể là như thế nào. Sau đó P nói với Thịnh Q1, Hoàng K5, Nhật A2 và H13 nội dung là Hiện kêu lên khu vực 13.000 vì Út K2 và L bị đánh và P kêu tất cả những người này đi lên cùng thì cả nhóm đồng ý.

Trước khi đi, H13 và Nhật A2 đi vào phòng của Thịnh Q1 lấy hung khí. Nhật A2 lấy 01 cây rựa và 01 cây dao tự chế có sẵn trong bao, H13 lấy 01 cây rựa rồi bỏ hung khí vào cái bao cùng với các hung khí của Nhật A2. P mang theo hung khí là cây dũ ba khúc để trong xe của Đ6 trước đó, Hoàng K5 mang theo 01 cây dao bấm. Khi chuẩn bị xong hung khí, H13 chở Nhật A2 đi trước lên khu vực 13.000, sau đó đi vào đường Công vụ ngang trường Lê Hồng P5; Đ6 chở P; Hoàng K5 chở Thịnh Q1. Riêng Bùi Văn N trong lúc đang ở nhà thì nhận được cuộc điện thoại của bị cáo Hoàng K5, nên N chạy xe một mình đi về hướng 13.000 để cùng tham gia.

Đến khu vực 13.000, các bị cáo P, T, K, K1, H2, P, Đ6, Thịnh Q1, Hoàng K5, Nhật A2, Duy H13 và N đi qua đò 13.000 thì được bị cáo B điều khiển xe mô tô chạy trước dẫn đường đi vào đến cầu S để tập trung cùng với bị cáo T17, Hiện, Đ1, S, Hùng A, C2, Các Lơ và các đối tượng Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hiền Đ5, Phan Văn N5, Lê Hồng Dũng E1, Đặng Thành T16.

- Nhóm 4 gồm: Các bị cáo Đoàn Minh K (Ú), Nguyễn Văn L (L) và Võ Hoàng H1. Diễn biến sự việc như sau:

Sau khi bị chặn đường đánh, L chở Út K2 về nhà thì K2 đi bộ đến nhà của H1 thì cùng lúc L cũng điều khiển xe đi đến nhà H1 một mình. Tại đây, Út K2 nói nội dung sự việc Út K2 và L bị chặn đường chém ở khu vực 13.000 và kêu H1 đi lên 13.000 xem là ai để đánh lại thì H1 đồng ý và vào nhà lấy 01 (một) cây dao tự chế

giấu trong áo. L hỏi H1 “Có đồ (hung khí) không? lấy cho L mang theo” thì H1 trả lời là “có mang theo rồi”. Lúc này, H1 lên xe của L đi lại bến đò đợi K2 đi về nhà lấy xe chạy lại bến đò. Do xe của Út K2 là loại xe 50cc nên H1 kêu K2 đi đổi xe nên Út K2 đi đến đổi lấy chiếc xe nhãn hiệu Jupiter, màu đen, BKS 95F4-9425 của anh Võ Văn N6 rồi chạy đến gặp H1 và L. Tại đây, H1 qua đi chung xe với Út K2, còn L chạy xe một mình. Cả ba đi theo lộ nông thôn cặp sông X, đến khu vực bến đò 13.000 thì rẽ trái lên tỉnh lộ 926 đi về hướng mà trước đó Út K2 và L bị chặn đánh để tập trung với các nhóm khác.

- Diễn biến sự việc tại khu vực cầu S, tỉnh lộ 926 (thuộc ấp G, xã V):

Khi tập trung tại khu vực cầu S có bị cáo T17, Hiện, Đ1, S, Hùng A, C2, B, Các Lơ, P, T, Kỳ A1, T1, K1, H2, P, Đ6, Thịnh Q1, Hoàng K5, Nhật A2, H13, N, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hiền Đ5, Phan Văn N5, Lê Hồng Dũng E1, Đặng Thành T16. Tại đây, T17 nói nội dung sự việc Út K2 và L đi đá gà về bị nhóm C (L8) chặn đường chém với Hiện và những người đang tập trung tại đây nghe. Lúc này, T17 và S có hỏi Đinh Công Đ7 về nội dung có thấy Cu L9 (Lâm) không và nhóm Cu L9 đi về hướng nào thì Đ7 trả lời “*thấy nhóm 04 đối tượng cầm hai cây dao tự chế đi vào lộ nông thôn, hướng về 12.000*”. Khi biết hướng đi của nhóm C (L) thì T17 kêu và chỉ tay các hướng, nghĩa là kêu tất cả những người tại cầu S chia nhau đi tìm nhóm Cu L9 để đánh lại. Nghe T17 nói xong, H và S tiếp tục kêu những người có mặt tại cầu S chia nhóm đi các hướng để tìm nhóm Cu L9. Khi nghe T17, Hiện, S kêu chia ra đi tìm thì tất cả những người có mặt tại cầu S chia hai hướng đi tìm, một nhóm đi vào lộ nông thôn về hướng 12.000, một nhóm đi về hướng bến đò 13.000 rồi rẽ trái lên hướng 12.000. Cụ thể như sau:

Nhóm về hướng bến đò 13.000 có: L điều khiển xe mô tô đi một mình; T điều khiển xe mô tô chở Phú Q, Thịnh Q1 điều khiển xe mô tô chở Hoàng K5, H13 điều khiển xe mô tô chở Nhật A2, C2 điều khiển xe mô tô chở Các Lơ, B điều khiển xe mô tô đi một mình. Khi cả nhóm đi ra bến đò 13.000 được một đoạn thì gặp và đi cùng với: Út K2 điều khiển xe mô tô chở H1, T1 điều khiển xe mô tô đi một mình.

Nhóm về hướng bến đò 13.000 có: K1 điều khiển xe mô tô chở H2, Kỳ A1 điều khiển xe mô tô chở N, S điều khiển xe mô tô chở Hùng A, Đ6 điều khiển xe mô tô chở P, Đ1 điều khiển xe mô tô chở Hiện, C1 điều khiển xe mô tô chở T17, N5 điều khiển xe mô tô đi một mình, Đ5 điều khiển xe mô tô đi một mình và D1 Em điều khiển xe mô tô chở T16.

- Diễn biến sự việc tại khu vực bến đò 12.000 và lộ nông thôn (thuộc ấp G, xã V):

Khi các đối tượng trong các nhóm đi tìm nhiều nơi nhưng không gặp nhóm của L8 nên tất cả quay lại tập trung tại khu vực bến đò 12.000. Tại đây, T17 kêu qua

đồ để tiếp tục đi tìm nên tất cả qua đò. Khi đi qua đò lên tỉnh lộ 931B (thuộc ấp C, xã V) thì C2 kêu những người đang tập trung tại đây chia nhau đi tìm. Khi đi tìm thì L chở T17, Út K2 chở H1 cùng nhiều đối tượng đi đến nhà của L8 để tìm nhưng không gặp nên sau đó một nhóm đi về hướng 8.000, một nhóm đi về hướng 13.000. Cụ thể như sau:

Nhóm về hướng bên đò 13.000 có: L điều khiển xe mô tô chở T17, Kỳ A1 điều khiển xe mô tô chở N, Thịnh Q1 điều khiển xe mô tô chở Hoàng K5, H13 điều khiển xe mô tô chở Nhật A2, Út K2 điều khiển xe mô tô chở H1, C2 điều khiển xe mô tô chở L1 và B điều khiển xe mô tô đi một mình. Khi đi về hướng bên đò 13.000 vào quán cà phê thì gặp N5 và Đ5 mỗi người điều khiển một xe mô tô đi một mình, D1 điều khiển xe mô tô chở T16. Riêng C1 chở T17 đi đến bến đò 12.000 thì T17 kêu C1 mang gà về nhà.

Nhóm về hướng 8.000 có: K1 điều khiển xe mô tô chở H2, T điều khiển xe mô tô chở Phú Q, S điều khiển xe mô tô chở Hùng A, Đ6 điều khiển xe mô tô chở P, Đ1 điều khiển xe mô tô chở Hiện, T1 điều khiển xe mô tô đi một mình.

- Diễn biến sự việc tại cây xăng trên Tỉnh lộ 931B (thuộc ấp B, xã V):

Khi các nhóm đi tìm không gặp nhóm Cu Lửa thì có quay lại về hướng cây xăng, lúc này A3 điều khiển xe mô tô chở Phú Q, Đ1 điều khiển xe mô tô chở Hiện chạy phía sau từ hướng 8.000 đi qua khỏi cây xăng. Lúc này, H phát hiện L8 và K3 đang đổ xăng nên đã kêu Đ1 và xe của A3 chở Phú Q quay lại. Đến cây xăng, Đ1 lấy hung khí của Hiện là một cây ống tuýp có thể kéo ra và thu vào được, chạy vào cây xăng trước, H và Thịnh Q1 chạy vào sau đuổi đánh L8 và K3, còn A3 ngồi bên ngoài quan sát. Khi thấy bị đuổi đánh thì K3 đã nhảy xuống sông X để trốn, còn L8 bị Đ1 sử dụng hung khí cùng Hiện và Phú Q đuổi đánh nên phải chạy vào khu vực bếp nấu ăn của cây xăng. Lầm lấy 01 cây dao sử dụng hàng ngày để đánh lại Đ1, H và Thịnh Q1 và đã gây thương tích cho Đ1 trên mũi, ngón tay trở bàn tay trái và lưng gây chảy máu, mục đích là để L8 có thể chạy thoát. Khi bị đánh trả lại thì Hiện chạy ra ngoài, đi đến xe của Trường A3 mở cốp xe lấy ra 01 cây kiếm, A3 lấy 02 cây dũa ba khúc cầm trên hai tay. Sau đó, Đ1, Hiện, A3 và Phú Q tiếp tục truy đuổi L8 bỏ chạy vào hẻm đối diện cây xăng để vào vườn. Cùng lúc này, các bị cáo từ hai hướng đi tìm nhóm Cu L9 đều tập trung đến cây xăng để vào vườn. Cùng lúc này, các bị cáo từ hai hướng đi tìm tập trung đến cây xăng đậu xe lại gây náo loạn trên lộ tại khu vực cây xăng. Các bị cáo lấy hung khí đã chuẩn bị trước chạy xung quanh tìm người để đánh, cụ thể:

Từ hướng 13.000 có: L điều khiển xe mô tô chở T17, Út K2 điều khiển xe mô tô chở H1, Kỳ A1 điều khiển xe mô tô chở N, Thịnh Q1 điều khiển xe mô tô chở Hoàng K5, H13 điều khiển xe mô tô chở Nhật A2.

Từ hướng 8.000 có: S2 điều khiển xe mô tô chở Hùng A, Đ6 điều khiển xe mô tô chở P, T1 điều khiển xe mô tô chạy một mình, H2 điều khiển xe mô tô chở K1.

Khi đi đến cây xăng, Út K2 và H1 thấy các bị cáo A3, Phú Q, Đ1, H đuổi đánh L8 vào hẻm đối diện cây xăng vào vườn nên Út K2 và H sử dụng hung khí cùng đuổi theo để đánh L8. Khi Đ1 đuổi theo được một đoạn thì vết thương trên mũi chảy máu nên quay ra lộ khu vực cây xăng. Đương giật lấy cây dao tự chế của Kỳ A1 đang cầm trên tay tiếp tục đi xung quanh tìm người để đánh. Đương có lấy đã ném (chọi) Khương nhưng không trúng. Còn A3, P, Hiện, Út K2 và H1 đuổi theo L8 đến khu vực vườn trồng cặp bờ tường. Phú Quý đập Lâm té ngã rồi giật lấy cây dao của L8 đang cầm trên tay chém trúng vào lưng và vai L8. Khi chém L8 xong, Phú Q ném cây dao lại tại khu vực này. A3 cầm cây dũa ba khúc đánh L8 trúng vào khu vực đùi (căng chân trên) và đầu thì lúc này Phú Q kêu A3 đi ra. H1 cầm dao tự chế chém vào vai và đùi của L8, H cầm cây kiếm lấy ra từ trên xe của A3 chém lâm. Út K2 dùng tuýp sắt đánh L8. Do bị đánh, chém gây thương tích nên Lâm ngất xỉu thì các bị cáo mới ra về.

- Riêng các bị cáo T17, L, Kỳ A1, N, Thịnh Q1, Hoàng K5, H13, Nhật A2, S, Hùng A, Đ6, P, T1, H2 và K1 đến cây xăng thực hiện hành vi gây thương tích như sau:

1. Đoàn Văn T: Khi đến cây xăng thấy có nhiều người đậu xe bên ngoài và chạy vào trong cây xăng đánh người khác, còn L xuống xe chạy xuống bờ sông, cùng lúc này có nhiều người tập trung lại và có mang theo hung khí. Lúc này, T đi trên lộ trước cây xăng nhìn xung quanh xem các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và chỉ tay về hướng các bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội.

2. Nguyễn Văn L (L): Tại cây xăng, L lấy 01 cây dao nằm trên đường rồi chạy vào cây xăng tìm người để đánh và lấy một cây rựa của Nhật A2. Khi chạy vào trong cây xăng, L thấy K3 dưới sông X về hướng bên cái chệt bên phải cây xăng theo hướng lộ đi vào. L chạy xuống cái chệt để lại cây dao và cây rựa trên bờ, sau đó có người trong nhóm lấy nhưng không biết là ai. Khi xuống chệt L dùng gạch, đá chọi (ném) K3 nhưng không trúng. Khương bơi lên bờ đối diện cây xăng thì L quay lên lộ thấy nhóm bị cáo đánh L8 xong đi ra và tất cả lên xe đi về. L lấy xe chở T về.

3. Đặng Văn Kỳ A1: Khi Kỳ A1 chở N đến cây xăng thì chạy lại xe của H13 và Nhật A2 lấy 01 cây dao tự chế chạy vào cây xăng tìm người để đánh nhưng không gặp ai, sau đó Đ1 giật lấy cây dao tự chế này sử dụng. Khi K3 nhảy xuống sông X thì những người trên bờ dùng đá ném. Cùng lúc này có người la lớn kêu bắt người đang bơi dưới sông lại nên Kỳ A1 chở N, T1 chở Hùng A đi qua sông để bắt K3 lại. Khi đi N có cầm theo hung khí là cây ống tuýp có thể kéo ra và thu vào được của

Đ1 và T4 sử dụng trước đó nhưng đã bị gãy. A3 kêu N bỏ hung khí này ở bên đò và tiếp tục đi đến khu vực K3 lên bờ trốn để đánh.

4. Bùi Văn N: Khi đến cây xăng, N dừng xe lại xuống xe và cùng với những người đi chung tìm người để đánh. N chạy xuống cây xăng thấy K3 bơi dưới sông nên N chạy xung quanh lấy đá, gạch cùng với Kỳ A1 ném K3 nhưng không trúng. Kỳ A1 tiếp tục kêu N lên xe và đi qua bên bờ đối diện sông cùng với T1 và Hùng A tìm K3 để đánh.

5. Nghiêm Xuân Thịnh Q1 (Q): Tại cây xăng, Thịnh Q1 thấy K3 bơi dưới sông nên đã lấy trái dừa ném K3 nhưng không trúng. Lúc này nghe có người la “Bắt nó lại” nhưng không ai bắt được. Khi đánh xong thì Thịnh Q1 chở Hoàng K5 về.

6. Đặng Hoàng K5: Tại cây xăng K5 xuống xe và lấy cây dao bấm trong người ra để tìm người để đánh nhưng không đánh được ai. Lúc này, K5 thấy K3 bơi dưới sông nên đã lấy dừa, gạch, đá ném K3 nhưng không trúng. Khi đánh xong, K5 ra xe Thịnh Quý chở về.

7. Trần Duy H13: Khi H13 và Nhật A2 dừng xư lại thì H13 lấy một cây rựa chạy vào cây xăng để tìm người để đánh. Nhìn thấy K3 bơi dưới sông nên H13 đã lấy dừa ném K3 nhưng không trúng. Khi đánh xong, H13 ra xe trước và lấy hung khí bỏ vào bao, Nhật A2 đi ra sau cũng bỏ hung khí vào bao rồi đi về. Trên đường về, Nhật A2 qua xe Hiện, Đ1 qua xe H13.

8. Lê Nhật A2: Khi đến cây xăng, Nhật A2 đậu xe lại nghe có người la lớn “Đâu rồi, đâu rồi”, có nghĩa là tìm người để đánh nhưng Nhật A2 không biết ai kêu. Cùng lúc này Kỳ A1 chạy xe lại xe của Nhật A2 lấy một cây cao tự chế. Nhật A2 lấy một cây rựa, H13 lấy một cây rựa chạy vào cây xăng để tìm người đánh. Nhật A2 thấy K3 đang bơi dưới sông nên lấy trái dừa ném nhưng không trúng. Đánh nhau xong, H13 ra xe trước, Nhật A2 ra sau và để hai cây rựa bỏ vào bao để lên yên xe và H13 chở Nhật A2 về.

9. Lê Văn S: Đến cây xăng, Hùng A xuống xe thì S lấy hai cây dao tự chế đi vào trong cây xăng, S đưa cho Hùng A một cây, một cây còn lại S cầm trên tay. Thấy Đ1 đứng ở cây xăng máu chảy ra trên mặt do bị đánh và K3 bơi qua sông nên S lấy gạch ném K3 nhưng không trúng. Khi thực hiện hành vi phạm tội xong, Đ1 đưa S một cây rựa, Sơn một cây dao tự chế để lên xe. Quan sát xung quanh không thấy Hùng A nên S điều khiển xe chạy đi về. Đi được một đoạn Sơn kêu Hoàng K5 qua xe của S ngồi lên hung khí để không bị phát hiện.

10. Lê Hùng A: Khi đến cây xăng, S dừng xe lại thì Hùng A xuống xe lấy một cây dao tự chế của S. Thấy Đ1 bị chảy máu nên có nói chuyện với Đ1. Trong thời gian này, thấy K3 bơi dưới sông nên Hùng A đi ra xe do T1 kêu và chở đi tìm K3 để đánh. Khi qua đò có Kỳ A1 và N đi cùng.

11. Quách Vĩnh Đ6: Đến cây xăng, Đ6 dừng xe lại xuống xe tham gia đánh nhau. Đ6 lấy một cây dũa ba khúc mà P đã đưa trước đó khi qua đò 12.000 đi vào cây xăng để đánh nhau. Thấy K3 bơi dưới sông. Đ6 không gây thương tích cho ai.

12. Trần Đăng P: Khi đến cây xăng, P xuống xe chạy xuống sông thấy K3 đã bơi ra giữa sông, P truy hô và la lớn cùng với những người khác kêu bắt người bơi sông lại để đánh nhưng không bắt được. P ra xe của Đ6 đi về.

13. Đào Nhật T1: Đến cây xăng, T1 xuống xe chạy vào cây xăng và cùng với những người đi chung tìm người để đánh. Thấy K3 bơi dưới sông, T1 chạy ra ngoài lấy cái vỏ cây dao ném K3 nhưng không trúng. Trong lúc này có L và P kêu bắt nó nên T1 ra xe chở Hùng A, Kỳ A1 chở N qua sông để tìm K3 đánh.

14. Võ Thanh H2: Khi H2 xuống xe thấy K3 xuống sông nên H2 dùng đá ném K3 nhưng không ném được do đá nặng.

15. Trần Trung K1: Khi đến cây xăng, K1 lấy một cây dao bằm trong túi quần cầm trên tay phải để tìm người để đánh nhưng không đánh được ai.

- Diễn biến tại ấp I, xã V:

Khi đánh nhau tại cây xăng, nghe L và P kêu bắt K3 lại để đánh thì Hùng A, Kỳ A1, N, T1 đi ra xe và qua đò tìm. Khi đi Kỳ A1 chở N, T1 chở Hùng A, N có cầm theo hung khí của Đ1 và H sử dụng trước đó nhưng đã bị gãy cán, Kỳ A1 kêu N bỏ hung khí này ở bên đò.

Đến khu vực người lội sông, T1 ngồi ở ngoài, Kỳ A1 cầm hung khí là cây dao găm đi rừng, N cầm vỏ cây dao của Kỳ A1, Hùng A cầm cây dao tự chế đi tìm thấy K3. Kỳ A1 sử dụng hung khí, tay và chân đánh vào người K3 để kéo ra. N dùng vỏ cây dao đánh, Kỳ A1 giật vỏ cây dao tiếp tục đánh làm hỏng nên Kỳ A1 đã ném bỏ. Hùng A cầm cây dao tự chế đánh K3. Một lúc sau T1 ở ngoài kêu nên Kỳ A1, N, Hùng A ra xe đi về. Khi về, Kỳ A1 chở N đến bến đò 13.000, N lấy xe đi về, Kỳ A1 chạy xe về nhà A3. Sau đó, A3 đã đưa cho Kỳ A1 hai cây dũa ba khúc, một cây dao găm loại đi rừng. Sau đó, Kỳ A1 đưa cho anh Nguyễn Thanh P4 cất giấu.

Riêng T1 chở Hùng A đi về đến nhà của Út K2, Hùng A bỏ dao cặp lộ. T1 lấy cây dao này đem vào nhà của Út K2 để trên bội gà trong nhà phía bên tay trái cất giấu, sau đó đi về nhà.

- Diễn biến tại ấp C, xã V:

Khi các đối tượng đi tìm nhóm của L8 để đánh từ 13.000 lên cây xăng thì có: L điều khiển xe chở T, Kỳ A1 điều khiển xe chở N, Thịnh Q1 điều khiển xe chở Khang N7, H13 điều khiển xe chở Nhật A2, Út K2 điều khiển xe chở H1, C2 điều khiển xe chở Các Lơ, B điều khiển xe đi một mình.

Khi đi qua cầu A, C2, Các L1, B phát hiện T15 và T14 điều khiển xe chạy ngược chiều nên C2, Các L, B quay xe lại đuổi theo. Khi bị đuổi đánh, T15 và T14 điều khiển xe vào nhà của K3. Tại đây, T15 lấy 01 cây dao tự chế như cây kiếm, có cán và lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 70cm, ra xe một mình đi lên cây xăng để đánh nhau. Riêng T14 ở lại trong nhà K3. Khi T15 điều khiển xe từ nhà K3 ra một đoạn thì bị C2, Các L1, B chặn đánh nên T15 bỏ xe nhảy xuống sông. C2, Các L1 và B dùng cây, gạch đá ném nhưng không gây thương tích cho T15. Khi bị ném thì T15 cầm hung khí ra là cây gỗ lấy trên đường và lên bờ đối diện, sử dụng hung khí đánh nhau với C2, Các Lơ và B. Lúc này, C2, Các L1 và B chạy vào nhà dân, T15 đem hung khí chạy ra ruộng bỏ trốn, trên đường chạy trốn đã làm mất hung khí.

Khi đánh nhau với T15, C2 sử dụng điện thoại cho Đ1 đang trên đường về cùng các bị cáo khác. Nội dung là đi tìm gặp và đánh nhau với nhóm Cu L9. Khi nhận được điện thoại thì Đ1 kêu S và những người đi cùng quay lại do S dẫn đường. Khi đi vào khu vực C2 đánh nhau thì có: H13 điều khiển xe chở Đ1, Thịnh Q1 điều khiển xe đi một mình, H2 điều khiển xe chở K1. Khi đi H2 và K1 quay lại quán nước 13.000 thì gặp và nói chuyện với L, T. Nội dung là nhóm C2 bị đánh, sau đó H2 và K1 tiếp tục lên khu vực 11.500. Hoàng K5 điều khiển xe chở S, L đi một mình, Đ5 điều khiển xe chở T, D1 Em điều khiển xe chở T16 đi theo Tập, N5 điều khiển xe một mình đi theo Tập.

Tập trung tại kênh 11.500 có Cảnh, Các Lơ, B, H13, Đ1, Thịnh Q1, H2, K1, Hoàng K5. Lúc này các bị cáo tìm và phát hiện T14 trốn ở phía sau nên tất cả đi vào để bắt và đánh T14. Khi T14 biết bị phát hiện đã bỏ chạy ra ngoài một đoạn thì dừng lại thì bị H13, Thịnh Q1, Khang N7 đánh bằng tay và chân, Các L1 dùng hung khí là cây dừa ba khúc lấy trên xe của ai đưa không xác định được đánh vào mặt và người của T14 gây thương tích. T14 bị đánh ngất xỉu và nghe có Công an vào nên S kêu cả nhóm đi về. Khi đi về Sơn kêu các bị cáo tập hợp các hung khí bỏ vào bao đưa cho B lên xe Thịnh Quý chở về nhà trọ của Hiện cất giữ. Đối với L, khi điều khiển xe từ quán C5 đi lên không gặp nên đã quay về hướng 13.000.

Ngoài ra, khi H2 và K1 vào khu vực kênh 11.500 gặp C2, H2 sử dụng điện thoại IPHONE 7 có số thuê bao 0894.840.034, điện thoại cho Đ6 có số thuê bao 0924.795.645. Nội dung nói trong nhóm có người bị đánh kêu Đ6 chạy lên. Lúc này, Đ6 kêu P, A3, Thịnh Q1 quay lại, nói trong nhóm có người bị đánh. Khi quay lại, P điện thoại cho H2 nhiều lần để hỏi đường đi vào, K1 lấy điện thoại của H2 để chỉ đường cho P. Sau đó, H2 chở K1 ra đầu kênh 11.500 để đợi Đ6 và P, Khi Đ6 và P đến thấy có Công an nên K1, H2, Đ6 và P ra về.

Biết người trong nhóm bị đánh nên A3 điều khiển xe chở Thịnh Q1 đi theo xe của Đ6 chở P, cùng lúc L thấy Đ6, P, A3 và Phú Q chạy lên nên đã đi theo. Trên

đường đi qua khỏi cầu 13.000 gặp T, Đ5, N5, Dũng E1, T16 nên L có nói với T trong nhóm có người bị đánh, T nói “không có gì” và có Công an đến nên kêu L, A3 và P ra về. Các bị hại Trần Minh L8, Nguyễn Hoàng T14 và Nguyễn Duy K3 được người dân đưa đi Bệnh viện cấp cứu.

- *Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/10TgT ngày 29/7/2020 đối với Trần Minh L8 đã kết luận:*

“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Đa vết thương phần mềm. Thủng phổi, màng phổi phải. Gãy đa xương bàn tay trái.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích từng vết thương:

- *Sưng nề má hàm phải hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

- *Vết dẫn lưu đường rách giữa bên phải khoang liên sườn IV-V hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

- *Vùng lưng có 03 vết thương:*

+ *Vết 1 hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 13% (mười ba phần trăm).*

+ *Vết 2 hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

+ *Vết 3 hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 02% (hai phần trăm).*

- *Vết thương mặt sau vai trái hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

- *Vết thương mặt sau khuỷu tay phải hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 02% (hai phần trăm).*

- *Vết thương ngón III bàn tay trái (gãy đốt gần) hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 03% (ba phần trăm).*

- *Vết thương ngón IV bàn tay trái (gãy đốt gần) hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 03% (ba phần trăm).*

- *Sây sát ngón V bàn tay trái (gãy đốt gần) hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 03% (ba phần trăm).*

- *1/3 giữa đùi phải có 02 vết thương:*

- *Vết 01 hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

- *Vết 02 hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 01% (một phần trăm).*

2.2 Tỷ lệ thương tích gây tổn hại sức khỏe hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 28% (hai mươi tám phần trăm).

2.3 Vật gây thương tích:

- Sưng nề má hàm phải do vật tày gây nên.
- 03 vết thương ngón II, IV, V bàn tay trái do vật tày có cạnh gây nên.
- Vết 1 lưng phải do vật sắc nhọn gây nên.
- Các vết thương còn lại do vật sắc bén gây nên”.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 156/10TgT ngày 21/10/2020 đối với Nguyễn Hoàng T14 đã kết luận:

“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Vết thương phần mềm hàm dưới trái. Gãy mỏm trán xương hàm trên trái.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích gây tổn hại sức khỏe hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 12% (mười hai phần trăm).

2.2. Vật gây thương tích: Các chấn thương, vết thương trên do vật tày gây nên”.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 163/10TgT, ngày 13/11/2020 đối với Nguyễn Duy K3 đã kết luận:

“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Đa vết thương phần mềm vùng mặt.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích gây tổn hại sức khỏe hiện tại theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT là 06% (sáu phần trăm).

2.2. Vật gây thương tích: Các vết thương trên do vật tày gây nên”.

Như vậy, tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại của 03 (ba) bị hại là 46% (bốn mươi sáu phần trăm).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn T, Lê Văn H, Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L, Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Nguyễn Hữu C2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Các L1, Nguyễn Phú Q, Nguyễn Ngọc Trường A3, Đặng Văn Kỳ A1, Đào Nhật T1, Trần Trung K1, Võ Thanh H2, Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ6, Nghiêm Xuân Thịnh

Q1, Đặng Hoàng K5, Lê Nhật A2, Trần Duy H13, Bùi Văn N, Võ Hoàng H1 cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn B (C).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 06 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Các L1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Các L1 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 29/01/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đoàn Văn T (Thầy T).

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, o Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đặng Hoàng K5 (K), Nguyễn Ngọc Trường A3 (A), Đặng Văn Kỳ A1.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng K5 (Khang Nhỏ) 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/9/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Trường A3 (A) 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 25/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K6 Anh 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 đến ngày 06/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Văn H (T4), Lê Văn S, Lê Hùng A.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H (T4) 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến ngày 25/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Hùng A 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 05/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn L (L), Đoàn Minh K (Ú), Trần Minh Đ1, Nguyễn Phú Q (Q), Trần Trung K1 (K), Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ6, Nghiêm Xuân Thịnh Q1 (Q), Lê Nhật A2, Trần Duy H13 và Võ Hoàng H1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L (L) 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 đến ngày 26/12/2020 Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh K (Út K2) 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 18/8/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ1 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 06/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q (Quý M) 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 24/4/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Trung K1 (Kiên L7) 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 26/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng P 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 29/9/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Quách Vĩnh Đ 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020 đến ngày 05/01/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân Thịnh Q1 (Quý N2) 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 09/02/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Nhật A2 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 05/01/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Duy H13 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/9/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng H1 05 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu C2, Đào Nhật T1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C2 03 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đào Nhật T1 (Trường M1) 03 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 06/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 54; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Bùi Văn N và Võ Thanh H2.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 02 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H2 02 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/4/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện V, tỉnh Hậu Giang tiếp tục điều tra xử lý hành vi chuẩn bị hung khí nguy hiểm nhằm gây thương tích cho Đoàn Minh K và Nguyễn Văn L nhưng chưa gây thương tích được của các đối tượng: Trần Minh L8 (Cu Lửa), Nguyễn Duy K3, Nguyễn Anh T15 và Nguyễn Văn V1, đã có dấu hiệu phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 6 Điều 134 BLHS; Đối với thương tích của bị cáo Trần Minh Đ1 xảy ra trong quá trình Đương

tấn công, gây thương tích cho bị hại Trần Minh L8 (C) thì Đ1 không có yêu cầu giám định; Tuy nhiên, cần làm rõ hành vi của L8 có dấu hiệu thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng hay không; Xem xét hành vi các đối tượng: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hiền Đ5, Phan Văn N5, Đặng Thành T16 và Lê Hồng D2 Em có biết và cùng đi cùng với các bị cáo khác đi tìm nhóm đối tượng Trần Minh L8; Hành vi của đối với đối tượng Nguyễn Thanh P4 đã có hành vi cất dấu hung khí của các bị cáo và xem xét đối tượng tên “Khải” đã có hành vi gọi điện cho bị cáo Lê Văn H (T4) trước khi đi gây thương tích nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch cụ thể. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2022, các bị cáo Đoàn Văn T, Lê Văn H, Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Phú Q, Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ, Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Đặng Văn Kỳ A1, Võ Hoàng H1, Nghiêm Xuân Thịnh Q1, Lê Nhật A2, Đào Nhật T1, Trần Trung K1, Võ Thanh H2, Bùi Văn N, Nguyễn Văn B, Nguyễn Các L1, Nguyễn Ngọc Trường A3 và Nguyễn Hữu C2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, bị cáo Nguyễn Hữu C2 đã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo, ngày 25 tháng 7 năm 2022, bị cáo Nguyễn Ngọc Trường A3 đã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 09 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Hữu C2 và Nguyễn Ngọc Trường A3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Hành vi chuẩn bị hung khí nguy hiểm của các đối tượng: Trần Minh L8, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Anh T15 và Nguyễn Văn V1, nhằm gây thương tích cho Đoàn Minh K và Nguyễn Văn L nhưng chưa gây thương tích được đã có dấu hiệu phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm đã tách thành 02 vụ án “Cố ý gây thương tích” để điều tra độc lập là không đảm bảo được việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Hành vi các đối tượng: Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hiền Đ5, Phan Văn N5, Đặng Thành T16 và Lê Hồng D2 Em có dấu hiệu phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm hay phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của

Bộ luật Hình sự độc lập chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng Nguyễn Thanh P4 đã có hành vi cất dấu hung khí của các bị cáo sau khi phạm tội có dấu hiệu phạm tội nhưng cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Công an phường C6, thành phố V, tỉnh Hậu Giang xác minh, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là không đúng quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi của Trần Minh L8 gây thương tích cho bị cáo Trần Minh Đ1 trong quá trình Dương tấn công, gây thương tích cho Trần Minh L8 mặc dù Dương không có yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích; nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã phát hiện những thiếu sót và vi phạm nêu trên nhưng không tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà vẫn tiến hành xét xử và kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật, là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Ngoài ra, hành vi của các bị cáo thực hiện còn có dấu hiệu phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Từ các phân tích trên, do những sai phạm của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang để điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trần Minh L8 và Nguyễn Văn L đã có mâu thuẫn với nhau từ trước. Vào ngày 27/7/2020, Đoàn Văn T cùng với Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L và một số người khác tham gia đá gà ăn thua bằng tiền do Mai Thanh T18 tổ chức. Trong lúc đá gà ăn thua bằng tiền xảy ra mâu thuẫn giữa Đoàn Minh K với Trần Minh L8 và Nguyễn Duy K3 nên nhóm của bị hại bao gồm Trần Minh L8, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Anh T15 và Nguyễn Văn V1 đã có hành vi chuẩn bị hung khí (dao tự chế và chai bia) và chặn đường để đánh Nguyễn Văn L và Đoàn Minh K nhưng không đánh được. Trên đường bỏ chạy, Đoàn Minh K thông báo cho Đoàn Văn T về việc bị nhóm của Trần Minh L8 chặn đường đuổi đánh. Sau đó các bị cáo tập hợp theo nhiều nhóm và mang theo hung khí đi tìm nhóm của bị hại để đánh trả thù. Hậu quả các bị cáo đã sử dụng hung khí là ống tuýp sắt, dũa ba khúc, dao tự chế, kiếm gây thương tích cho Trần Minh L8 với tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe là 28%, Nguyễn Hoàng T14 với tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe là 12% và Nguyễn Duy K3 với tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe là 06%.

Với hành vi đã thực hiện, hung khí sử dụng và hậu quả xảy ra, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Đoàn Văn T, Lê Văn H, Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L, Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Các L1, Nguyễn Phú Q, Đặng Văn Kỳ A1, Đào Nhật T1, Trần Trung K1, Võ Thanh H2, Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ6, Nghiêm Xuân Thịnh Q1, Lê Nhật A2, Bùi Văn N, Võ Hoàng H1 cùng với các bị cáo khác không có kháng cáo hoặc đã rút kháng cáo là Đặng Hoàng K5, Trần Duy H13, Nguyễn Ngọc Trường A3 và Nguyễn Hữu C2 đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này, theo kết quả điều tra và bản án sơ thẩm xác định ngoài hành vi phạm tội của các bị cáo đã được điều tra, truy tố, xét xử nêu trên, còn có hành vi của các đối tượng khác có liên quan, cụ thể:

- Hành vi của các đối tượng Trần Minh L8, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Anh T15 và Nguyễn Văn V1 chuẩn bị hung khí nguy hiểm là dao tự chế và chai bia nhằm gây thương tích cho Đoàn Minh K và Nguyễn Văn L nhưng chưa gây thương tích được.

- Hành vi của các đối tượng Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hiền Đ5, Phan Văn N5, Đặng Thành T16 và Lê Hồng D2 Em tập hợp và đi cùng với bị cáo Đoàn Văn T và các bị cáo khác khi các bị cáo này đi tìm nhóm của bị hại để đánh nhau.

- Hành vi của đối tượng Nguyễn Thanh P4 cất giấu hung khí của bị cáo Đặng Văn K6 Anh sau khi gây án.

- Hành vi của đối tượng Trần Minh L8 dùng hung khí gây thương tích cho bị cáo Trần Minh Đ1 trong quá trình hai bên đuổi đánh nhau.

Các hành vi nêu trên đều có liên quan đến vụ án, trong đó, hành vi của các đối tượng Trần Minh L8, Nguyễn Duy K3, Nguyễn Anh T15 và Nguyễn Văn V1 chuẩn bị hung khí nguy hiểm nhằm gây thương tích cho Đoàn Minh K và Nguyễn Văn L là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, trực tiếp dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ và có kết luận về từng hành vi. Đối với những hành vi đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự thì phải được xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm phát hiện trong vụ án có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố nhưng không trả hồ sơ để điều tra bổ sung để chứng minh có hay không hành vi phạm tội mà vẫn tiến hành xét xử vụ án và kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau (trong đó có cả những hành vi đã được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát kết luận là không cấu thành tội phạm hoặc thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự) là vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Từ đó dẫn đến việc giải quyết vụ án không đảm bảo được sự thống nhất, triệt để, toàn diện, khách quan và không công bằng với các bị cáo bị truy tố, xét xử trong vụ án.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy bản án để điều tra, giải quyết lại nên chưa ai phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1, khoản 5 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang để điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đoàn Văn T, Lê Văn H, Đoàn Minh K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Phú Q, Trần Đăng P, Quách Vĩnh Đ, Trần Minh Đ1, Lê Văn S, Lê Hùng A, Đặng Văn Kỳ A1, Võ Hoàng H1, Nghiêm Xuân Thịnh Q1, Lê Nhật A2, Đào Nhật T1, Trần Trung K1, Võ Thanh H2, Bùi Văn N, Nguyễn Văn B và Nguyễn Các L1 để bảo đảm cho Viện kiểm sát cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án. Thời hạn tạm giam kể từ ngày tuyên án cho đến khi Viện kiểm sát cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Về án phí: Căn cứ vào điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chưa ai phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06, PC11);
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS huyện V;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm